

coco coco My Worksheets | Use Worksheets Từ vựng - Phần 1 - Các địa điểm

tienganh123.com/tieng-anh-top-6-sach-moi-bai-4-tu-vung-1/17581-cac-danh-tu-chi-dia-diem.html



railway station 🔊 🗣️
 /ˈreɪlweɪ ˈsteɪʃn/
 (n.) nhà ga
 The railway station is about 5km from here. 🔊 🗣️
 Nhà ga cách đây khoảng 5km.



secondary school 🔊 🗣️
 /ˈsekəndri sku:l/
 (n.) trường trung học
 We all go to the secondary school in town. 🔊 🗣️
 Tất cả chúng tôi đều học tại trường trung học trong thị trấn.

Search

3:31 AM 8/8/2023

coco coco My Worksheets | Use Worksheets Từ vựng - Phần 1 - Các địa điểm

tienganh123.com/tieng-anh-top-6-sach-moi-bai-4-tu-vung-1/17581-cac-danh-tu-chi-dia-diem.html



square 🔊 🗣️
 /ˈskweɪ(r)/
 (n.) quảng trường
 Many tourists visit the square in my hometown 🔊 🗣️
 Nhiều khách du lịch tới thăm quảng trường ở quê tôi.



statue 🔊 🗣️
 /ˈstætʃu:/
 (n.) tượng
 You can see this high statue from far away. 🔊 🗣️
 Bạn có thể thấy bức tượng cao này từ rất xa.

Search

3:31 AM 8/8/2023

tienganh123.com/tieng-anh-top-6-sach-moi-bai-4-tu-vung-1/17681-cac-danh-tu-chi-dia-dem.html



suburb  

/ˈsʌbə b/

(n.) vùng ngoại ô

Her family lives in the suburbs.  

Gia đình cô ấy sống ở vùng ngoại ô.



temple  

/ˈtemp/

(n.) ngôi đền

This temple is big and old.  

Ngôi đền này to và cũ.

Search

3:32 AM 8/8/2023

tienganh123.com/tieng-anh-top-6-sach-moi-bai-4-tu-vung-1/17681-cac-danh-tu-chi-dia-dem.html



traffic light  

/ˈtræfɪk laɪt/

(n.) đèn giao thông

The traffic lights help us move safely in town.  

Đèn giao thông giúp chúng tôi đi lại an toàn trong thành phố.



workshop  

/ˈwɜːkʃɒp/

(n.) xưởng

We go to the local workshop for repairs.  

Chúng tôi tới xưởng trong vùng để sửa chữa đồ đạc.

Search

3:32 AM 8/8/2023